TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 26/12/2018

N DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Thoại;

2. Ông Bế Kim Phong.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đàm Thị Q, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: xóm K, xã Đ, Hòa An, Cao Bằng.

2. Đồng bị đơn: Ông Luân Quý N, sinh năm 1970 (Có mặt).

Bà Lý Thị B, sinh năm 1975 (Vắng mặt có giấy ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Luân Quý N).

Cùng địa chỉ: xóm P, xã Đ, Hòa An, Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đàm Thị Q trình bày: Bà và ông Luân Quý N, bà Lý Thị B (là vợ chồng) có mỗi quan hệ quen biết, làm ăn, buôn bán. Quá trình làm ăn đến ngày 07/9/2014, ông N và bà B có mua lợn con với bà và còn nợ số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Khi mua lợn giữa hai bên không viết giấy tờ vay mượn gì cả, sau đó nhiều lần bà có yêu cầu vợ chồng ông N trả tiền còn

nợ cho bà nhưng vợ chồng ông N không chịu trả. Đến ngày 27/01/2017 ông N và bà B lại đến nhà bà để vay tiền mặt với số tiền là 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng), khi đến vay tiền mặt thì vợ chồng ông N có viết giấy vay tiền với bà có nội dung là vay 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng) tiền mặt và 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tiền lợn con, tổng cộng là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) và sẽ thanh toán hết trong tháng 2/2017. Đến ngày 14/5/2017 (tức ngày 19/4/2017 Âm lịch) vợ chồng ông N trả bà số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ngày 18/7/2017 (tức ngày 25/6/2017 Âm lịch) vợ chồng ông N tiếp tục trả bà 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tổng cộng vợ chồng ông N đã trả được cho bà số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), còn 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) bà nhiều lần gặp và yêu cầu vợ chồng ông N trả nhưng mãi không thấy trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N và bà B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) và tính lãi từ năm 2014 đến nay trên tổng số tiền còn nợ với lãi suất là 1,1% / tháng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đàm Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu ông N, bà B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc, lãi còn nợ cho bà về lãi suất yêu cầu tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định.

* Tại bản khai ngày 03/10/2018 và biên bản hòa giải, bị đơn Luân Quý N và Lý Thị B trình bày: Vợ chồng ông có quen biết với bà Q và vợ chồng ông có được mua lợn con với bà Q với số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Đầu năm 2017, vợ chồng ông có vay bà Q số tiền mặt 15.000.000đ nên tổng cộng số tiền vợ chồng ông vay bà Q là 33.000.000đ và vợ chồng ông đã trả được cho bà Q số tiền 14.000.000đ và còn nợ số tiền là 19.000.000đ.

Nay bà Q yêu cầu trả tiền gốc còn nợ và tiền lãi suất từ năm 2014 đến nay với mức lãi suất là 1,1%/tháng thì vợ chồng ông không nhất trí, vợ chồng ông nhất trí trả số tiền còn nợ gốc và tiền lãi suất cơ bản theo Ngân hàng Nhà nước từ ngày 18/7/2017 cho bà Q nhưng với phương thức trả nợ là 2.000.000đ/tháng hoặc sẽ trả hết từ thời điểm xét xử trong vòng 6 tháng.

Nguyên đơn bà Đàm Thị Q nhất trí với yêu cầu tính lãi suất của phía bị đơn nhưng không nhất trí với phương thức trả nợ của phía bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Đàm Thị Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Luân Quý N, bà Lý Thị B cùng trú tại xóm P, xã Đ, Hòa An, Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án có

quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

[1.2] Đối với bị đơn Lý Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt và có giấy ủy quyền ngày 18/12/2018 nội dung ủy quyền là ủy quyền cho chồng là Luân Quý N tham gia phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng vào ngày 27/01/2017 ông N và bà B có làm giấy vay tiền của nguyên đơn với số tiền là 33.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến tháng 02/2017 sẽ thanh toán hết. Khi đến hẹn phía các bị đơn không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận và nguyên đơn có đến đòi nhiều lần và đến ngày 14/5/2017 (tức ngày 19/4/2017 Âm lịch) vợ chồng ông N trả bà số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ngày 18/7/2017 (tức ngày 25/6/2017 Âm lịch) vợ chồng ông N tiếp tục trả bà 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tổng cộng vợ chồng ông N đã trả được cho bà số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), còn 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) bà nhiều lần gặp và yêu cầu vợ chồng ông N trả nhưng mãi không thấy trả. Phía nguyên đơn có xuất trình giấy vay tiền có sự đồng ý ký tên của bị đơn Luân Quý N và Lý Thị B, chứng cứ đã được ông Luân Quý N thừa nhận nên xem hợp đồng vay tài sản của bà Q và ông Luân, bà B là sự việc có thật.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay các bị đơn vẫn còn thiếu tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ông N, bà B phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 19.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Q yêu cầu tính lãi suất. Tại phiên tòa bà Q và ông N thỏa thuận việc tính lãi suất đối với khoản tiền 19.000.000 đồng từ thời điểm ngày 18/7/2017 với lãi suất tính theo lãi suất cơ bản của do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, bà Q yêu cầu tính lãi từ ngày 18/7/2017 đến nay là 17 tháng, cụ thể 19.000.000đ x 0,83%/tháng x 17 tháng = 2.680.900 đồng là hoàn toàn có cơ sở và có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể ông N và bà B phải liên đới nộp: 21.680.900đ x 5% = 1.084.045 đồng

Bà Đàm Thị Q không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận, nên hoàn trả lại cho bà Q số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng theo biên lai thu số AB/2012/02303 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đàm Thị Q.

Buộc bị đơn ông Luân Quý N và bà Lý Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Đàm Thị Q số tiền là 21.680.900đ (Hai mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bà Đàm Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng ông Luân Quý N và bà Lý Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông N và bà B phải liên đới nộp 1.084.045đ *(Một triệu không trăm tám mươi tư nghìn không trăm bốn mươi năm đồng)*

Hoàn trả lại cho bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AB/2012/02303 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện; *(đã ký)*
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Lục Thanh Hải